

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 6 năm 2021

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vi Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Moong Văn Bình;
2. Bà Vi Thị Khiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng-Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Xeo Văn Toàn-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: K4, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Đình B, sinh năm 1964.

Địa chỉ: K4, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị D và ông Hồ Đình B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, không đăng ký kết hôn tại UBND xã, thị trấn mà chỉ tổ chức lễ cưới, mời hai họ, anh em tới dự lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, suy nghĩ, ông B không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình. Đến năm 2019, bà D phát hiện ông B có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Bà D đã nhiều lần tha thứ nhưng ông B vẫn không thay đổi. Nay bà D không còn tình cảm với ông B nên không muốn tiếp tục

chung sống đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố bà và ông Hồ Đình B không phải là vợ chồng.

Về con chung: Bà D và ông B có 02 con chung là cháu Hà Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/4/2002 và cháu Hà Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 27/2/2007. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Hà Nguyễn Hoàng A cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Hà Nguyễn Hoàng H nay đã đủ tuổi trưởng thành nên tùy theo nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, qua xác minh ông Hồ Đình B thường xuyên mất tại địa phương, đi đâu và làm gì không ai biết, ông B cũng không khai báo với chính quyền địa phương về việc thay đổi nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân thị trấn M và tại K4, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hồ Đình B vẫn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Hà Thị D và ông Hồ Đình B là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là cháu Hà Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 27/02/2007 cho bà Hà Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với

ông B do bà D không yêu cầu. Đối với con chung là cháu Hà Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/4/2002 nay đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Hà Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Hà Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Hồ Đình B là vợ chồng có địa chỉ cư trú tại thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án. Bị đơn thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không chấp hành các quyết định của Tòa án, gây khó khăn cho công tác điều tra, thu thập chứng cứ. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho đương sự hợp lệ, nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tình cảm chung sống với nhau như vợ chồng: Bà D và ông B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nên theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa bà D và ông B không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ và chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì giữa hai người có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2019, ông B có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, bà D đã nhiều lần tha thứ nhưng ông B không thay đổi. Hiện nay bà D không còn tình cảm với ông B, không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Xét thấy, việc chung sống, thời gian chung sống giữa bà D và ông B là đúng thực tế, nay có bên yêu cầu ly hôn nên căn cứ các Điều 9, 14, 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố bà Hà Thị D và ông Hồ Đình B không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Hà Thị D và ông Hồ Đình B trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Hà Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/4/2002 và cháu Hà Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 27/02/2007. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với

bà D, ông B thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Đồng thời cháu Hà Nguyễn Hoàng A có nguyện vọng được ở với bà D nên cần giao con chung cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Đối với cháu Hà Nguyễn Hoàng H đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau ly hôn, ông B có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Do bà D không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông B. Trường hợp bà D nuôi con không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà ông B có căn cứ chứng minh thì có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

[5] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bà Hà Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Hà Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị D.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Hà Thị D và ông Hồ Đình B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hà Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 27/02/2007 cho bà Hà Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con

đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hồ Đình B do bà D không yêu cầu. Ông B có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp bà D là người trực tiếp nuôi con chung không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà ông B có căn cứ chứng minh thì ông B có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

3. Về án phí: Bà Hà Thị D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003929 ngày 01/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. (Bà D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Bà Hà Thị D có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Hồ Đình B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vi Thị Khuyên